

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HSST.

Ngày: 28-7-2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Hươn.

+ Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tình - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Ông Lê Viết Xuân
- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 121/2020/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo: Trần Văn C; sinh năm 1990 tại Cà Mau; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); Bị cáo là con thứ 06 trong gia đình có 07 anh em và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (Có mặt).

2/ Bị cáo: Nguyễn Hoàng N; sinh năm 2002 tại Bà Rịa Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: ấp PL, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960. Bị cáo là con thứ 08 trong gia đình có 09 anh chị em và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH CT.

Địa chỉ: Số 108, ấp 5, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yeh Fu Y– chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Xê B, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp TMỹ, xã BB, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Giấy ủy quyền ngày 25/02/2020-Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Tài N và Trần Văn C từng làm công nhân của Công ty TNHH Cụ Thành thuộc ấp 5, xã AP, huyện LT. Vào chiều ngày 20/02/2020, tại phòng trọ của C ở ấp 5, xã AP, huyện LT, Nhứt rử C và Nguyễn Hoàng N đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, tất cả đồng ý. C chuẩn bị 01 tuốc nơ vít, 01 kìm và 01 bình khò gas, còn N chuẩn bị 01 tuốc nơ vít và 01 cờ lê. Đến 02 giờ ngày 21/02/2020, N cầm túi nilong đựng tất cả công cụ trên cùng Nhứt và C đi trộm cắp tài sản, khi đi đến Công ty TNHH P&F Vina thì tất cả trèo hàng rào để vào bên trong đến khu vực bồn nước trèo lên hàng rào ranh giới giữa Công ty TNHH P&F Vina và Công ty CT. Nhứt và N đứng ngoài hàng rào C giới còn C dùng tuốc nơ vít cạy tấm kính sáng nhà xưởng gia công của Công ty TNHH CT. Cạy cửa kính xong, thì C, Nhứt và N lần lượt chui vào bên trong nhà xưởng. C dùng bình khò gas và kìm phá các ổ khóa tủ đựng mũi khoan, N lấy túi nilong đến đưa cho Nhứt. Sau khi mở cửa tủ, Nhứt lấy các hộp nhựa bên trong có chứa các mũi khoan cho vào 05 túi nilong. Sau khi lấy được tài sản trên, tất cả mang tài sản trộm cắp ra ngoài theo hướng khi đột nhập vào. Khi ra ngoài, Nhứt, C và N gom các mũi khoan trong 05 túi nilong dồn thành 03 túi nilong rồi C gọi điện thoại cho Taxi đến để mang tài sản đi bán. Khi xe taxi (không rõ biển số) đến chở Nhứt, C và N đi đến gần cổng Công ty CT thì Nhứt nói N xuống xe còn Nhứt và C về phòng trọ của C để thay quần áo. Sau đó, Nhứt và C quay lại chỗ xe Taxi thì có người thanh niên tên Giàu (không rõ nhân thân, lai lịch là bạn của Nhứt) ngồi sẵn trong xe. Sau đó, tất cả cùng đi đến khu vực quận 8, thành phố Hồ Chí Minh bán toàn bộ tài sản trộm cắp nêu trên cho một người đàn ông và một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 50.000.000 đồng. Sau khi bán xong, tất cả cùng đi về nhà nghỉ Phước Sang ở xã AP, huyện LT để nghỉ và cùng nhau sử dụng ma túy. Tại đây, Nhứt chia cho C số tiền 6.000.000 đồng và chia cho N số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, có chia thêm cho C và N mỗi bị cáo 1.250.000 đồng. Đến ngày 01/03/2020, C và N đến Công an

huyện Long Thành đầu thú về hành vi phạm tội của mình còn Nhứt bỏ trốn chưa làm việc được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL.ĐGTSTT ngày 10/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự kết luận: 109 mũi khoan bằng hợp kim có kích thước và chủng loại khác nhau có giá trị 176.035.500 đồng

Tại bản cáo trạng số 140/CT-VKSLT ngày 22/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2017, áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù giam, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù giam.

Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít màu đen cán nhựa dài khoảng 10cm và 01 kìm cán nhựa màu đỏ đen do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội. Riêng 01 hộp nhựa màu vàng bên trong có chứa mũi khoan màu trắng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an đã thu hồi trả lại cho bị hại. Riêng số tài sản (mũi khoan) do các bị cáo trộm cắp đã bán nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Hoàng N có trách nhiệm bồi thường số tiền 176.035.500 đồng, các bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 176.035.500 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của bị hại anh Lý Xê B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu đã thu thập được tại hồ sơ vụ án, như phần nội dung tóm tắt vụ án đã nêu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có cơ sở kết luận: Do không có tiền tiêu xài nên vào lúc 02 giờ ngày 21/02/2020, Lâm Tài Nvai trò là chủ mưu rủ rê bị cáo Trần Văn C và bị cáo Nguyễn Hoàng N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 109 mũli khoan bằng hợp kim có trị giá 176.035.500 đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Cự Thành ở ấp 5, xã AP, huyện LT đem bán cho người khác (không rõ tên tuổi, địa chỉ) với giá 50.000.000 đồng. C được chia 7.250.000 đồng (lần 1 là 6.000.000 đ, lần 2 là 1.250.000 đ) và N được chia 6.250.000 đồng (lần 1 là 5.000.000 đ, lần 2 là 1.250.000 đ). Đến ngày 01/03/2020, C và N đến Công an huyện Long Thành đầu thú về hành vi phạm tội của mình, còn Nhứt bỏ trốn khỏi địa phương.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá là 176.035.500 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là những công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn công cộng là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài cho cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Do đó buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình gây ra. Trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức, tuy nhiên cần đánh giá tính chất, vai trò tham gia và số tiền hưởng lợi của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, xét cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú và bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, mặt khác các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Hoàng N có trách nhiệm bồi thường số tiền 176.035.500 đồng (tiền giá trị tài sản 109 mũi khoan các bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được), tại phiên tòa các bị cáo đồng ý. Xét thấy, ý kiến của bị cáo và bị hại là tự nguyện, phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo C và bị cáo N mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền là 88.017.750 đồng (176.035.500đ : 2).

[6] Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít màu đen cán nhựa dài khoảng 10cm và 01 kìm cán nhựa màu đỏ đen do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội.

Riêng 01 hộp nhựa màu vàng bên trong có chứa mũi khoan màu trắng, Cơ quan C sát điều tra Công an đã thu hồi trả lại cho đại diện bị hại là đúng quy định nên không xem xét.

Riêng số tài sản (mũi khoan) do các bị cáo trộm cắp đã bán nên không thu hồi được.

Buộc bị cáo Trần Văn C nộp lại số tiền là 7.250.000 đồng và bị cáo Nguyễn Hoàng N nộp lại số tiền 6.250.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với Lâm Tài Ntheo lời các bị cáo có hành vi cùng trộm cắp tài sản nhưng chưa làm việc được với Nhứt và người thanh niên tên Giàu có hành vi giúp sức cho Nhứt và các bị cáo đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nhưng hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau là có căn cứ.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 4.400.800 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Hoàng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam 01/3/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam 01/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH CT số tiền 176.035.500 đồng (Bị cáo C bồi thường số tiền 88.017.750 đồng. Bị cáo N bồi thường số tiền 88.017.750 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường tại thời điểm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít màu đen cán nhựa dài khoảng 10 cm và 01 kìm cán nhựa màu đỏ đen do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội (Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Thành theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/6/2020).

Buộc bị cáo Trần Văn C nộp lại số tiền là 7.250.000 đồng và bị cáo Nguyễn Hoàng N nộp lại số tiền 6.250.000 đồng thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn C và bị cáo Nguyễn Hoàng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 4.400.800 đồng (Bốn triệu bốn trăm ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. LT(1);
- Công an H. LT(3);
- Chi cục THADS H. LT(1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1)
- Lưu (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà

